



*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đinh Ngọc S – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã H, có mặt.

2/ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Mai N – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T, có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Vợ chồng bà Tô Thị Minh T1, sinh năm 1967 và ông Lê Văn Thống, sinh năm 1964;

Cùng trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, bà T1 có mặt, ông Thống vắng mặt.

2/ Bà Hà Thị L, sinh năm 1962; trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

3/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1963; trú tại: huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

4/ Chị Huỳnh Thị Bích D, sinh năm 1985; trú tại: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

5/ Anh Huỳnh Ngọc T2, sinh năm 1988; trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

6/ Anh Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1990; trú tại: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà Phùng Thị T trình bày:*

Năm 1995 bà T được nhà nước giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP gồm 02 thửa đất ruộng, tổng diện tích 1.254 m<sup>2</sup> là không đủ, lẽ ra UBND xã H phải giao đủ diện tích đất cho hộ gia đình bà 02 nhân khẩu là 1.275m<sup>2</sup>. Mặt khác, hiện nay diện tích đất bà đang sử dụng thực tế vẫn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCN QSD) đất.

Năm 1966 bà T có mua 500m<sup>2</sup> đất xây dựng nhà ở tại thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, đến năm 1983 UBND xã H tự ý tháo dỡ nhà của Bà để năm 1987 Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng cửa hàng cơ khí (05m x 07m) nhưng thực tế là giao cho bà Hà Thị L.

Ngoài ra, diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà T nhưng UBND huyện T cấp GCN QSD đất đứng tên bà Tô Thị Minh T1, hiện có nhà ở của bà

T1.

Ngày 10/7/2018 bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa: Buộc UBND huyện T và UBND xã H giao đủ diện tích đất nông nghiệp theo GCN QSD đất số G 082143 ngày 18/8/1995; Giao trả lại diện tích đất ở mà bà Hà Thị L, bà Tô Thị Minh T1 đang sử dụng.

Tại biên bản đối thoại (BL 23) bà T trình bày bổ sung: Buộc bà L, bà T1 tháo dỡ các tài sản gắn liền trên đất và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Ngày 27/6/2019, 17/7/2019 bà Phùng Thị T có đơn trình bày không khởi kiện đối với diện tích đất của bà Tô Thị Minh T1 (là con ruột bà T). Yêu cầu Tòa hủy quyết định giao đất, GCN QSD đất đã cấp cho bà Hà Thị L, buộc bà L giao trả lại diện tích đất này cho bà T, buộc UBND huyện T cấp GCN QSD đất cho bà T đối với diện tích đất hiện có nhà ở bà

Ngày 08/10/2019 bà T có đơn khởi kiện bổ sung (BL 100) yêu cầu: Buộc Chủ tịch UBND huyện T và UBND xã H chấm dứt hành vi xâm phạm đất của gia đình bà, thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất.

Tại phiên tòa, bà T trình bày yêu cầu hủy một phần Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 27/7/1998 về việc cấp GCN QSD đất, vì trong đó có quyết định cấp GCN QSD đất đứng tên bà Hà Thị L.

*Người đại diện của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã H thống nhất trình bày:*

Diện tích đất nông nghiệp theo GCN QSD đất cấp cho bà Phùng Thị T 1.254m<sup>2</sup>, bà Tô Thị Minh T1 798m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 218, bản đồ địa chính đo đạc năm 1985. Quá trình sử dụng đất mẹ con bà T và bà T1 tự ghép thành thửa 603, theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2015, diện tích đo đạc thực tế 2.134,8m<sup>2</sup>, chênh lệch tăng 82,8m<sup>2</sup> so với diện tích đất được cấp GCN QSD đất cho bà T và bà T1. Việc bà T cho rằng thiếu diện tích đất so với GCNQSD đất được cấp là không đúng. Nên bà T yêu cầu giao đủ đất 2 ruộng lúa theo GCN QSD đất là không có cơ sở.

Việc bà T cho rằng cần bồi đắp giao đất thiếu theo Nghị định 64/CP thì UBND xã đã bồi thường hoa lợi cho bà T trong thời hạn 20 năm, số tiền 11.616.000đ, bà T đã nhận đủ tiền và thống nhất không nhận bổ sung đất nông nghiệp còn thiếu.

Năm 2016 UBND huyện phối hợp cùng UBND xã tiến hành giao đất nông nghiệp cho bà T nhưng bà T không chịu nhận.

Năm 1994, 1995 UBND tỉnh, UBND huyện đã giải quyết các khiếu nại

này của bà T. Ngoài ra, bà T đã được cấp đất ở tại xã H, đã có nhà ở liền kề với nhà bà T1, bà L.

Nguồn gốc đất hiện có nhà ở bà Hà Thị L nguyên là đất do nhà nước quản lý, Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng cửa hàng cơ khí, sau đó cho bà L thuê để ở. Sau này UBND xã H thông báo bán công khai, bà L đã mua và đã được cấp GCN QSD đất.

Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm đất của bà T, yêu cầu thu hồi, bồi thường về đất là không có căn cứ, vì khi tiến hành làm đường bê tông không ảnh hưởng đến đất của bà T, việc làm đường bê tông là trên đường đi cũ.

Các yêu cầu khởi kiện của bà T là không có cơ sở, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hà Thị L, ông Lê Văn T, chị Huỳnh Thị Bích D thống nhất trình bày: Năm 1990 gia đình bà thuê nhà đất của Hợp tác xã, đến năm 1999 bà L mua lại nhà đất từ UBND xã theo Hợp đồng mua bán ngày 24/12/1999. Năm 2004 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L quản lý sử dụng ổn định từ đó đến nay, do đó bà T khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất của bà L là không có cơ sở.

- Bà Tô Thị Minh T1 trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Bà T không khởi kiện liên quan đến diện tích đất ở của bà nên không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Huỳnh Ngọc T2, ông Huỳnh Ngọc T3 và ông Lê Văn Thống đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có nội dung trình bày.

**Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 12/2020/HC-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 123, Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 157, 158 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T, về việc hủy: Quyết định giao đất, một phần Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 27/7/1998 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 971685, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

02365 QSDĐ ngày 21 tháng 5 năm 2004, số thửa đất 287, tờ bản đồ 35B, diện tích 190m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện T) cấp đứng tên bà Hà Thị L; về việc buộc: Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã H thực hiện hành vi giao đủ diện tích đất 1.254m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện T) cấp ngày 10/8/1995 đứng tên bà Phùng Thị T. Vì không có căn cứ pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T, về việc: Buộc bà Tô Thị Minh T1 tháo dỡ công trình trên đất, giao trả diện tích đất và bồi thường thiệt hại.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T, về việc: Buộc bà Hà Thị L tháo dỡ công trình trên đất, giao trả diện tích đất và bồi thường thiệt hại. Vì không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án hành chính.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2020 người khởi kiện bà Phùng Thị T kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2020/HC-ST ngày 7 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà. Tại phiên tòa vắng mặt luật sư nhưng bà T yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau: Đề Nghị HĐXX bác kháng cáo của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

- Quyết định giao đất, một phần Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 27/7/1998 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 971685, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02365-QSDĐ ngày 21/5/2004 của UBND huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện T) cấp cho bà Hà Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ 35B diện tích 190m<sup>2</sup>. Buộc UBND huyện T, UBND xã H thực hiện hành vi giao đủ diện tích đất 1.254m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện T (nay là UBND huyện T) cấp ngày 10/8/1995 đứng tên bà

Phùng Thị T. Năm 1993-1995 bà T có đơn khiếu nại, đến ngày 06/3/1993, Ban quản lý ruộng đất Phú Yên đã ban hành Văn bản số 31/QĐ-TTr gửi UBND huyện T để thụ lý, giải quyết. Ngày 17/9/1994, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Thông báo số 278/TB-UB về việc giải quyết khiếu nại của bà T. Ngày 08/8/1995 UBND tỉnh Phú Yên ban hành văn bản số 438/UB về việc trả lời đơn khiếu nại của bà T.

Năm 2016-2017, bà T tiếp tục có đơn khiếu nại, ngày 19/6/2016, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 644/UBND-TTr về việc trả lời khiếu nại của bà T. Ngày 13/02/2017, chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 104/UBND-VP về việc trả lời đơn khiếu nại của bà T. Ngày 04/5/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Văn bản số 2224/UBND-NC về việc trả lời nội dung trình bày của bà T tại buổi tiếp dân định kỳ. Ngày 13/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Văn bản số 3777/UBND-NC về việc có ý kiến đối với nội dung bà T trình bày tại buổi tiếp công dân định kỳ tháng 5/2017. Ngày 10/7/2018, bà Phùng Thị T khởi kiện đối với các quyết định nêu trên, căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, thấy:

[2.1] Bà Phùng Thị T yêu cầu hủy Quyết định giao đất, Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Hà Thị L thì thấy:

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L không có quyết định giao đất nên nội dung yêu cầu hủy quyết định giao đất không có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện hủy GCNQSD đất đứng tên bà Hà Thị L vì bà T cho rằng diện tích đất được cấp cho bà L là thửa đất của bà T nhưng không có căn cứ chứng minh, bởi lẽ: đây là phần đất công do UBND xã H quản lý từ sau năm 1975, đến năm 1984 thì Hợp tác xã H Tây xây dựng cửa hàng cơ khí. Đến năm 1990 thì vợ chồng bà L thuê lại cửa hàng của Hợp tác xã, đến năm 1999 thì bán thanh lý cho bà L. Do đó, năm 2004, bà Hà Thị L đã được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 190m<sup>2</sup> tại thửa 287 tờ bản đồ 35B nêu trên. Theo tờ bản đồ năm 2015 thì thửa đất của bà L hiện nay là thửa số 188 diện tích 115,4m<sup>2</sup>.

Bà T cho rằng thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của mình nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất cũng như việc sử dụng đất của gia đình Bà. Do đó, đối với nội dung buộc bà L tháo dỡ tài sản trên đất, trả lại diện tích đất và bồi thường thiệt hại thì những nội dung khởi kiện này

đều không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu UBND huyện T, UBND xã H thực hiện hành vi giao đủ diện tích đất 1.254m<sup>2</sup> theo GCNQSD đất đứng tên bà T thì thấy: diện tích đất nông nghiệp theo GCNQSD đất bà T được cấp là 1.254m<sup>2</sup>, con gái bà T là Tô Thị Minh T1 được cấp 798m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng đất, mẹ con bà T đã tự ghép lại thành thửa đất 803, diện tích thực tế đo được theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2015 là 2.134,8m<sup>2</sup> (chênh lệch tăng 82,8m<sup>2</sup>) so với diện tích đất hai mẹ con bà T được cấp năm 1985. Do đó, nội dung khởi kiện này của bà T là không có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, năm 2016, khi cân đối diện tích đất còn thiếu theo Nghị định 64/CP thì bà T đã nhận số tiền 11.616.000 đồng, cũng trong năm 2016, UBND huyện T phối hợp với UBND xã H tiến hành giao đất cho bà T nhưng bà T không nhận đất.

Bà Phùng Thị T kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng Bà không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phùng Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, tuyên xử: Bác yêu cầu của bà Phùng Thị T về việc hủy: Quyết định giao đất, một phần Quyết định số 98/QĐ-UB ngày 27/7/1998 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 971685, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02365-QSĐĐ ngày 21/5/2004 của UBND huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện T) cấp cho bà Hà Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ 35B diện tích 190m<sup>2</sup>. Buộc UBND huyện T, UBND xã H thực hiện hành vi giao đủ diện tích đất 1.254m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện T (nay là UBND huyện T) cấp ngày 10/8/1995 đứng tên bà Phùng Thị T. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T về việc buộc bà Hà Thị L tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, giao trả diện tích đất và bồi thường thiệt hại. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T về việc buộc bà Tô Thị Minh T1 tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, giao trả diện tích đất và bồi thường thiệt hại.

3. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Phùng Thị T thuộc trường hợp được miễn án

phí hành chính phúc thẩm nên không xem xét.

Bản án phúc thẩm có lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Tồn**